

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/DS-ST
Ngày: 09 - 5 - 2024
V/v “Tranh chấp yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ về tài sản do người
chết để lại”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Hồng Hạnh

2. Ông Lê Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân
huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham
gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành
phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2023/TLST-DS ngày
13 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do
người chết để lại”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2024/QĐXX-ST
ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ABC/DFáp TT, xã TTh, huyện CL, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Thanh B, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số XYZ CMTT, phường CK, quận NK, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phạm Thị A, sinh năm 1967 (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TN A, xã TX B, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

2.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

2.3. Chị Trương Nguyễn Mỹ N, sinh năm 2009 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TN 1, xã TX A, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trong năm 2023 ông Trương Văn H nhiều lần vay tiền của ông Nguyễn Hữu Đ. Cụ thể:

- Ngày 30/5/2023 vay 50.000.000 đồng;
- Ngày 5/6/2023 vay 700.000.000 đồng;
- Ngày 08/6/2023 vay 700.000.000 đồng;
- Ngày 08/7/2023 vay 02 lần, mỗi lần 100.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông H vay của ông Đ là 1.650.000.000 đồng. Nhiều lần ông Đ yêu cầu ông H trả nợ vay nhưng ông H chưa trả cho ông Đ. Nay ông H đã chết và để lại tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 14.000m² tại thửa 645 tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại ấp TN 1, xã TX A, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Vì vậy, ông Đ yêu cầu những người trong hàng thừa kế thứ 1 của ông H gồm bà Phạm Thị A (mẹ ông H), bà Nguyễn Thị Mỹ H (vợ ông H) và cháu Trương Nguyễn Mỹ N (con ông H) có nghĩa vụ trả nợ thay cho ông H trong phạm vi di sản thừa kế của ông H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2024 bị đơn bà Phạm Thị A trình bày: Bà là mẹ ruột của ông Trương Văn H. Chồng bà hiện nay đã chết. Bà không biết gì về giao dịch giữa ông H và ông Đ. Con bà là Trương Văn H đã sống cùng gia đình vợ cách đây 15 năm. Bà không biết ông H có tài sản nào và cũng không quản lý di sản nào của ông Trương Văn H. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Đồng thời, bà yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cho bà H và chị N. Tuy nhiên bà H và chị N không nhận bất kỳ văn bản nào và cũng không có mặt tham gia tố tụng tại Tòa trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án; bà H và chị N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp

luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 95, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463, 466, 468, 614, 615 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ. Buộc bà A, bà H, chị N trả cho ông Đ số tiền 1.650.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ khi thụ lý vụ án cho đến khi thanh toán với mức lãi suất 0,83%/tháng. Buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Đ khởi kiện yêu bà Phạm Thị A, bà Nguyễn Thị Mỹ H và chị Trương Nguyễn Mỹ N thực hiện nghĩa vụ trả nợ do ông Trương Văn H chết để lại với số tiền 1.650.000.000 đồng nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp TN A, xã TX B và ấp TN 1, xã TX A, huyện TL, thành phố Cần Thơ, do đó Tòa án nhân dân huyện TL thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị A có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà Nguyễn Thị Mỹ H và chị Trương Nguyễn Mỹ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời

hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 149, Điều 249 Bộ luật dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Hữu Đ khởi kiện yêu cầu bà A, bà H và chị N là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông H chết để lại, đó là số tiền ông H vay của ông Đ là 1.650.000.000 đồng.

[3.1] Xét về giao dịch vay tài sản giữa ông Đ và ông H: Căn cứ các thông tin sao kê từ N hàng, thông tin giao dịch thể hiện ông Đ có chuyển cho ông H tổng số tiền 1.650.000.000 đồng. Nay ông H đã chết, những người thừa kế của ông H không đến làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án và cũng không ai có ý kiến phản hồi đối với giao dịch này giữa ông Đ và ông H. Có căn cứ xác định ông Trương Văn H có vay của ông Nguyễn Hữu Đ tổng số tiền 1.650.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 thì ông Trương Văn H có nghĩa vụ trả nợ vay cho ông Nguyễn Hữu Đ.

[3.2] Căn cứ trích lục khai tử số 30 ngày 01/11/2023 tại UBND xã TX A, huyện TL, thành phố Cần Thơ thể hiện ông Trương Văn H đã chết vào ngày 29/8/2023. Quá trình giải quyết vụ án xác định, sau khi ông H chết đã để lại di sản thừa kế gồm phần đất diện tích đất 14.000m² tại thửa 645 tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại ấp TN 1, xã TX A, huyện TL, thành phố Cần Thơ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 645823 ngày 16/7/2018 cho ông Trương Văn H.

Ông H chết không để lại di chúc. Theo sự xác định của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện TL thì diện tích đất nêu trên của ông Trương Văn H đến thời điểm này chưa ai kê khai đăng ký biến động. Những người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông Trương Văn H cũng không cung cấp thông tin ai là người quản lý di sản này của ông Trương Văn H.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác”*. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền vay của ông Nguyễn Hữu Đ là 1.650.000.000 đồng, trong

phạm vi di sản do ông H chết để lại. Những người thừa kế của ông Trương Văn H không có thỏa thuận hay yêu cầu trong vụ án này, trong trường hợp có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[4] Về lãi suất: Căn cứ quy định tại điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu tính lãi của người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là 10%/năm là có căn cứ và được chấp nhận.

Căn cứ thông tin chuyển tiền của ông Đ do N hàng cung cấp thì các lần ông Đ chuyển tiền cho ông H là tháng 5,6,7 năm 2023. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 07 tháng bằng số tiền 96.250.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 184; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 249; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, 468, Điều 614, 615 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ đối với bà Phạm Thị A, bà Nguyễn Thị Mỹ H và chị Trương Nguyễn Mỹ N.

2. Buộc bà Phạm Thị A, bà Nguyễn Thị Mỹ H và chị Trương Nguyễn Mỹ N trả cho ông Nguyễn Hữu Đ số tiền nợ gốc là 1.650.000.000 đồng và nợ lãi là 96.250.000 đồng, tổng cộng là 1.746.250.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) trong phạm vi giá trị di sản thừa kế ông Trương Văn H để lại.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu Đ không phải nộp án phí. Ông Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 30.750.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007302 ngày 07/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được hoàn lại.

Buộc bà Phạm Thị A, bà Nguyễn Thị Mỹ H và chị Trương Nguyễn Mỹ N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 64.387.500 đồng (*Sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện TL;*
- *Cơ quan THA huyện TL;*
- *Lưu: HS; VT-TA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm